

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

ĐẾN Số: 63
Ngày: 06/01
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 691/TTr-SNN ngày 25 tháng 12 năm 2020 (kèm theo thông báo kết quả thẩm định số 290/TB-HĐTĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng thẩm định thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 2392/SNN-QLXDCT ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng 34 cống nội đồng trên địa bàn tỉnh.
2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.
3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Đầu tư xây dựng 34 cống nội đồng trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai (hạn, mặn, úng ngập), chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; góp phần khai thác có hiệu quả tiềm năng hiện có trong vùng, tạo tiền đề thuận lợi để tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát triển bền vững theo định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

- Kết hợp đầu tư thủy lợi với phát triển hạ tầng giao thông thủy bộ phục vụ vận chuyển nông sản hàng hóa được thuận lợi, góp phần làm giảm chi phí sản xuất và tăng thêm lợi nhuận cho người dân.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng 34 cống điều tiết (gồm: 04 cống B = 10m, 03 cống B = 7,5m, 20 cống B = 6m, 02 cống B = 5m, 03 cống B = 4m, 02 cống B = 3m) với các thông số cơ bản theo Quy hoạch Thủy lợi, cụ thể như sau:

STT	Tên cống	Quy mô cống				Cầu giao thông			Địa điểm xây dựng
		B _{cống} (m)	B _{cửa} (m)	V _n (m)	Loại cống	Rộng sử dụng (m)	V _{dạ cầu} (m)	Tải trọng (T)	
1	Cống kênh áp 4A, áp 5A	7,5	7,5	-2,5	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Càng Long
2	Cống đầu kênh áp 6A	7,5	7,5	-2,5	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Càng Long
3	Cống Hùng Hòa	10	10	-3,0	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Tiểu Cần
4	Cống Trà Mềm	10	10	-3,0	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Tiểu Cần, Trà Cú
5	Cống Tân Hòa	10	10	-2,5	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Tiểu Cần
6	Cống Ô Dài	5	5	-2,0	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Châu Thành
7	Cống Kênh 37	5	5	-2,0	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Châu Thành
8	Cống Sóc Cụt 1	6	6	-2,0	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Châu Thành
9	Cống Kênh TN3	6	6	-2,0	Cống hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang

STT	Tên công	Quy mô công				Cầu giao thông			Địa điểm xây dựng
		B _{công} (m)	B _{cửa} (m)	V _n (m)	Loại công	Rộng sử dụng (m)	V _{dạ cầu} (m)	Tải trọng (T)	
10	Công Năm Thước	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Châu Thành
11	Công Kênh TN4	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
12	Công Kênh TN5	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
13	Công Kim Hòa	7,5	7.5	-3,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
14	Công Kênh V22	3	3	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
15	Công Kênh V23	3	3	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
16	Công Kênh Nổi	4	4	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
17	Công Kênh Chìm	4	4	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
18	Công Kênh Ba Khiển	4	4	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Cầu Ngang
19	Công Đường Xuông 2	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
20	Công Phước Hưng 4	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
21	Công Sóc Cụt 2	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
22	Công N18	6	6	-2,0	Công hở	4			Huyện Trà Cú
23	Công Tân Hiệp 2	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
24	Công Chì Sáu	10	10	-3,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
25	Công Trà Sát	6	6	-2,0	Công hở	6	+3,0	HL93	Huyện Trà Cú
26	Công N13	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
27	Công Rạch Bần	6	6	-2,0	Công hở	6	+3,0	HL93	Huyện Trà Cú

STT	Tên công	Quy mô công				Cầu giao thông			Địa điểm xây dựng
		B _{công} (m)	B _{cửa} (m)	V _n (m)	Loại công	Rộng sử dụng (m)	V _{dạ cầu} (m)	Tải trọng (T)	
28	Công Ngọc Biên - Tất Hồ	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
29	Công Ngọc Biên - Hàm Giang	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
30	Công Hàm Giang 1	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
31	Công Hàm Giang 2	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Trà Cú
32	Công Thị Ròn	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Duyên Hải
33	Công Đôn Châu	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Duyên Hải
34	Công Sa Rày	6	6	-2,0	Công hở	4	+3,0	0,65HL93	Huyện Duyên Hải

- Kết cấu công: Công bằng BTCT M300, gia cố thượng hạ lưu bằng thảm đá, rọ đá. Cửa van bằng thép, vận hành thẳng đứng bằng tời với công B = 7,5m, 10m; các công còn lại vận hành bằng trục vít me. Công B = 10m bố trí giàn kéo van trong thân công và ngoài thân công, các công còn lại chỉ bố trí giàn kéo van trong thân công.

- Cầu giao thông trên công tải trọng 0,65HL93, bề rộng mặt cầu sử dụng 4m (riêng công Rạch Bàn và Trà Sát chiều rộng sử dụng B = 6m, tải trọng HL93; công N18 không kết hợp cầu giao thông trên công do tại vị trí này đã đầu tư mới cầu giao thông đang thi công); các cầu kết nối phù hợp với giao thông hiện trạng.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Bến Tre.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Ths. Phan Văn Dũng.

7. Địa điểm xây dựng: Các huyện: Châu Thành, Càng Long, Cầu Ngang, Trà Cú, Tiểu Cần, Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích chiếm đất tạm thời 2,47 ha;

- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn 8,34 ha.

9. Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

10. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp II.

11. Số bước thiết kế: 02 bước.

12. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở): Giải pháp thiết kế cơ sở thực hiện theo Kết quả thẩm định tại Công văn số 2393/SNN-QLXDCT ngày 25

tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hồ sơ dự án.

13. Thiết bị công nghệ (nếu có): Theo hồ sơ dự án.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có): Theo phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được phê duyệt.

15. Tổng mức đầu tư của dự án: 358.300.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tám tỷ, ba trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí BT - GPMB	:	36.958.791.733	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	268.578.063.340	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	9.910.211.518	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	4.157.070.430	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	29.867.919.221	đồng;
- Chi phí khác	:	4.381.772.971	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	4.446.170.787	đồng.

16. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 323.000.000.000 đồng;
- Ngân sách tỉnh: 35.300.000.000 đồng.

17. Hình thức quản lý dự án: Ủy thác cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

18. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2024.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trực tiếp về quy mô, hiệu quả của dự án, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện đạt tiêu chuẩn, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo hồ sơ được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Châu Thành, Càng Long, Cầu Ngang, Trà Cú, Tiểu Cần, Duyên Hải; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 07+6

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng